

Thuyết Bốn Đế

Giáo sư Minh Chi

-[03]-

Phụ lục của phần B:

B.1 Kinh hạt muối:

Phật nói:

– Vì như này, hỡi các Tỳ Kheo có người bỏ một nhúm muối vào một chén nước nhỏ, này các Tỳ Kheo, các người nghĩ thế nào, nước trong chén nhỏ có vì nhúm muối nhỏ này mà trở thành mặn và không uống được hay không?

– Thưa có vậy, Bạch Thế Tôn!

– Vì có sao?

– Bạch Thế Tôn, vì nước trong chén quá ít, nhúm muối làm cho nó trở thành mặn, không uống được.

– Này các Tỳ Kheo, ví như có một người bỏ một nhúm muối như vậy vào sông Hằng, hỡi các Tỳ Kheo, các người nghĩ thế nào? Nước sông Hằng có vì nhúm muối đó mà trở thành không uống được hay không?

– Thưa không, Bạch Thế Tôn.

– Vì có sao?

– Bạch Thế Tôn vì lượng nước sông Hằng lớn, cho nên không bị mặn và vẫn có thể uống được.

Cũng vậy, này các Tỳ Kheo! Ở đây có người làm việc ác nhỏ mọn, khiến người ấy chịu khổ não. Lại này nữa các Tỳ Kheo, có người cũng làm một việc nhỏ như vậy, nhưng ngay trong đời sống hiện tại, cũng đền bù hết rồi, ngay một ít quả báo nhỏ cũng không còn lại ở đời sau, hà huống là quả báo lớn...

Như vậy, này các Tỳ Kheo! Có người không tu tập thân, không giữ giới luật, không tu tập tâm, không tu tập huệ, ít thiện, ít đức, hằng ngày sống khổ, người như thế, dù phạm một tội ác nhỏ cũng làm nó khổ sở vô cùng.

Như vậy, này các Tỳ Kheo! Lại như có người có tu tập thân, giữ gìn giới luật, có tu tập tâm, tu tập tuệ, làm nhiều điều thiện, sinh hoạt thoải mái, người ấy dù có phạm một tội ác nhỏ, thì ngay trong cuộc sống hiện tại, cũng đủ đền bù hết, dù một quả báo nhỏ cũng không phải chịu trong đời sống sau, huống hồ là quả báo lớn.

Này các Tỳ Kheo! Ví như có người vì bị phạt nửa đồng tiền, một đồng tiền, 100 đồng tiền mà phải vào tù. Lại có một người cũng bị phạt nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay 100 đồng tiền nhưng không phải vào tù.

Này các Tỳ Kheo! Bị phạt nửa đồng tiền, một đồng tiền, 100 đồng tiền mà phải vào tù là ai đó?

Này các Tỳ Kheo! Người nào bán cùng, người đó không đủ sống, cho nên chi vì bị phạt nửa đồng tiền, một đồng tiền, 100 đồng tiền mà phải vào tù.

Này các Tỳ Kheo! Bị phạt nửa đồng tiền, một đồng tiền, 100 đồng tiền mà không phải vào tù, là ai vậy? Này các Tỳ Kheo! Người giàu có, tiền của dư dật, thì dù bị phạt nửa đồng tiền, một đồng đến 100 đồng tiền (anh ta nộp phạt dễ dàng), cũng không phải vào tù.

Như vậy, này các Tỳ Kheo, có một người phạm một chút ác nhỏ mà khổ não. Lại nữa, này các Tỳ Kheo, có một người cũng phạm một chút ác nhỏ như vậy, nhưng trong cuộc sống hiện tại cũng đủ đền bù rồi, không còn chịu quả báo ở đời sau, dù là nhỏ, chứ đừng nói gì một quả báo lớn.

(Tăng Nhứt A Hàm - bản Hán)

(Tham khảo thêm bản dịch từ Pàli trong Tăng Chi I, Kinh Pàli, trang 284-290)

B.2 Hoặ̣c duyên với nghiệp mà tạo ra sanh tử, sầu, bi khổ não

DUYÊN KHỞI

Từ Pàli là Pratiya-samutpada, từ Sanskrit là Paticca-samuppada. Nghĩa là y duyên mà sanh khởi lên. Duyên là nhân duyên, cũng như hiện nay nói điều kiện. Theo đạo Phật, tất cả mọi hiện tượng, sự vật ở thế gian này sở dĩ tồn tại như vậy diễn biến như vậy là do có những điều kiện như thế định.

Trong sách Phật, thường có những câu hay đoạn câu: mọi pháp đều non duyên sanh, đều có tính duyên khởi, đều là y tha khởi; ý nói, mọi pháp (tức mọi sự vật, mọi hiện tượng và quá trình) trong thế gian này không thể tự mình tồn tại được mà dựa vào nhiều non, nhiều duyên để tồn tại. Từ y tha nghĩa là dựa vào y vào nhân duyên.

Mọi sự vật ở thế gian này đều biến động vô thường, nhưng sự biến động vô thường ấy không phải là tự nhiên, hay ngẫu nhiên mà theo quy luật, tức là quy luật non duyên sinh. Đó là một sự biến động có điều kiện (non duyên).

Bậc Thánh giác ngộ là giác ngộ về những điều kiện diễn biến của sự vật, hiện tượng và quá trình trên thế gian này. Bậc Thánh chỉ bày cho chúng ta thấy rõ những điều kiện ấy, để chúng ta có thể chủ động đối với chúng, chi phối chúng, thay vì để chúng chi phối ta, sai sử chúng ta.

Ý nghĩa cơ bản của duyên khởi:

Ý nghĩa cơ bản của duyên khởi ở trong câu:

"Cái này có cho nên cái kia có,
Cái này sinh, cho nên cái kia sinh,
Cái này không có cho nên cái kia không có,
Cái này diệt cho nên cái kia diệt".

Hay là trong câu:

"Các pháp do non duyên sinh mà sinh, cũng do non duyên diệt mà diệt".

Thuyết duyên khởi có tầm quan trọng hàng đầu đối với Phật Pháp cho nên có đoạn kinh đồng như thuyết duyên khởi với Phật Pháp: "Thấy Phật Pháp tức là thấy duyên khởi, thấy duyên khởi tức là thấy Phật Pháp".

Thuyết duyên khởi dù là Phật giáo nguyên thủy hay Phật giáo Đại thừa, Phật giáo Ấn Độ hay Phật Giáo Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam, được xem như tư tưởng cơ bản của Phật giáo, là chủ thuyết khu biệt Phật giáo với các tín ngưỡng khác, hệ tư tưởng khác.

Thuyết duyên khởi nói chung và thuyết duyên khởi giá trị:

Quan hệ duyên khởi là quan hệ thời gian, không gian và quan hệ logic của mọi hiện tượng, sự vật trong thế giới, vũ trụ. Phật giáo, khi khảo sát những mối quan hệ đó, không ở ngoài mục đích tìm hiểu ý nghĩa cứu kính của nhơn sinh, nhằm trả lời câu hỏi: "Vì sao con người lại tồn tại trên thế gian này, vì sao con người phải già, bệnh và chết, chịu nhiều đau khổ? Khi nói thuyết duyên khởi giá trị là nói thuyết Duyên khởi nhằm tìm hiểu giá trị của nhân sanh, cũng gọi là thuyết Nội duyên khởi.

Còn thuyết Duyên khởi nói chung có tính chất bao trùm hơn, phổ quát hơn. Nó không những áp dụng cho vấn đề nhân sinh, mà cả cho toàn bộ hiện tượng, sự vật và quá trình xảy ra trên thế gian và trong vũ trụ này. Định đề cơ bản của nó, như đã nói trên là:

Cái này có thì cái kia có,
Cái này sinh thì cái kia sinh,
Cái này không có thì cái kia không có,
Cái này diệt thì cái kia diệt...

Tính phức tạp của thuyết duyên khởi (giá trị)

Quan hệ duyên khởi vô cùng phức tạp. Theo quan điểm Phật giáo, mỗi con người, ngay sau khi lọt lòng mẹ, đã là một tổng hòa của toàn bộ kinh nghiệm quá khứ mà con người đã trải qua trong nhiều cuộc sống trước. Những kinh nghiệm đó không có mất đi với thời gian, mà lưu lại dấu vết trong thức A lại gia của con người đó, từ đời này sang đời khác. Rồi sau khi lọt lòng mẹ, con người chịu sự tác động của gia đình, trường học, xã hội... Tất cả những kinh nghiệm tiếp xúc đó cũng không mất đi, mà vẫn tích lũy tiếp tục trong thức A lại gia của con người đó, tạo ra cái gọi là nhân cách của con người đó.

Con người sống trong một hoàn cảnh, một môi trường như định, con người chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, đồng thời cũng ảnh hưởng trở lại hoàn cảnh. Điều này đúng không những đối với mặt đạo đức, mà cả về các mặt như thức ăn, đồ uống, đồ mặc, nơi ở... Qua phân tích kinh tế, chúng ta thấy rất rõ, cuộc sống dù là rất bình thường của một cá nhân chỉ có thể tồn tại và tiếp tục, với sự hỗ trợ của biết bao điều kiện, nào nguyên liệu, nhiên liệu, công lao động, vận tải, không những trong nước mà cả ngoài nước nữa. Để có một gói mì ăn liền, phải có nguyên liệu bột mì nhập, có cả một nhà máy kéo mì sợi, bột gia vị, giấy bao bì, phương tiện vận tải để chuyển những gói mì thành phẩm đến người tiêu thụ, thông qua một mạng lưới cửa hàng bán buôn, bán lẻ rải rác khắp cả nước, không kể chi phí qua cầu cáp và một loạt các chi phí khác có liên quan. Đó là nói chuyện một gói mì ăn buổi sáng, giá bán không tới một nghìn. Cuộc sống hàng ngày của chúng ta còn cần bao nhiêu thứ khác còn phức tạp hơn.

Trong lãnh vực văn hóa giáo dục, các mối quan hệ càng chặt, đan chen lại càng phức tạp hơn: quan hệ truyền thống văn hóa quá khứ ở trong nước và quốc tế, quan hệ với các ngành giáo dục, in ấn, tuyên truyền, xuất bản...

Có thể nói sự tồn tại và phát triển của bản thân chúng ta có liên quan mật thiết và phức tạp với quá khứ, với xã hội và thế giới. Đó chính là chủ thuyết pháp quán trùng trùng duyên khởi của Tôn Hoa Nghiêm nổi tiếng. Nó cụ thể hóa quan điểm Phật giáo: "Một là tất cả, tất cả là một" (nhứt tức nhứt thiết, nhứt thiết tức nhứt).

Biểu minh học thuyết duyên khởi nói chung và thuyết duyên khởi giá trị

*** *Thuyết duyên khởi nói chung:***

Cái này sinh thì cái kia sinh: quan hệ thời gian
Cái này diệt thì cái kia diệt (các hạnh vô thường)
Cái này có thì cái kia có: quan hệ không gian logic
Cái này không có thì cái kia không có

*** *Thuyết duyên khởi giá trị:*** Cũng gọi là nội duyên khởi (12 nhơn duyên và bốn đế)

Duyên vô minh, có hành (khổ quả)
Duyên hành có thức lưu chuyển (tất cả các hành là khổ [nhân] tập)
Duyên sanh có già chết... với tất cả mọi khổ não kèm theo.
Vô minh diệt cho nên hành diệt
Hành diệt nên thức diệt (Diệt [quả] Niết bàn vắng lặng)
Sanh bị diệt cho nên già chết cũng diệt: (Đạo [nhân])

Qua biểu trên, thấy: Về "cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt"... nói lên quan hệ thời gian trước sau. Còn, về: "cái này có thì cái kia có, cái này không có thì cái kia không có", nói lên quan hệ không gian và quan hệ logic.

"Các hành đều là khổ" nói lên mặt trái của giá trị, mặt mê vọng luân hồi. "Niết bàn vắng lặng", nói lên mặt phải, mặt chính diện của giá trị, mặt giác ngộ và an lạc.

Các câu "duyên vô minh có hành, duyên hành có thức... duyên sanh, có già chết..." đó là chuỗi duyên khởi của mê vọng luân hồi.

Các câu "vô minh diệt cho nên hành diệt, hành diệt cho nên thức diệt..." là chuỗi duyên khởi của giác ngộ và giải thoát.

Trong bốn đế thì hai đế khổ và tập là quan hệ nhơn quả dẫn tới lưu chuyển trong vòng mê vọng luân hồi. Hai đế diệt và đạo là quan hệ nhơn quả dẫn tới giác ngộ và giải thoát. Do đó, bốn đế cũng thuộc phạm vi thuyết duyên khởi: lưu chuyển duyên khởi và giải thoát duyên khởi.

Thuyết 12 nhơn duyên:

Trong kinh Nguyên thủy thuộc văn hệ Pàli, có đoạn văn giới thiệu 12 nhơn duyên như sau:

"Này các tỷ kheo! Thế nào là duyên khởi? Này các tỷ kheo! Duyên vô minh mà có hành, duyên hành mà có thức, duyên thức mà có danh sắc, duyên danh sắc mà có sáu xứ, duyên sáu xứ mà có xác, duyên xác mà có thọ, duyên thọ mà có ái, duyên ái mà có thủ, duyên thủ mà có hữu, duyên hữu mà có sinh, duyên sinh mà có già chết, sầu bi khổ não sinh ra. Như vậy, là duyên khởi của tất cả mọi đau khổ.

Ngược lại, vô minh diệt cho nên hành diệt, hành diệt cho nên thức diệt, thức diệt cho nên danh sắc diệt... sáu xứ... xác... thọ.. ái... thủ... hữu... Hữu diệt nên sinh diệt sinh diệt nên già chết, và mọi sầu bi khổ não đều diệt. Như vậy, tất cả mọi đau khổ đều diệt."

Trong 12 chi nhơn duyên, hai chi đầu vô minh và hành thuộc về nhân của thời quá khứ, năm chi thức danh sắc, sáu xứ, xác, thọ, là năm quả thuộc thời hiện đại. Đó là lớp nhơn quả quá khứ và hiện tại (hai nhơn quả quá khứ và năm quả hiện tại).

Ái, thù, hữu là ba nhân thuộc thời hiện tại. Sinh và già chết là hai quả thuộc thời vị lai. Đó là một lớp nhân quả nữa: ba nhân hiện tại và hai quả vị lai. Đó là lớp nhân quả thứ hai hiện tại và vị lai.

Biểu sau đây minh họa hai lớp nhân quả quá khứ hiện tại và hiện tại vị lai như sau:

Mười hai duyên khởi

Vô minh tức là hoặc hai nhân thời quá khứ

Hành tức là nghiệp

Thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ... năm quả thời hiện tại.

Trên đây là lớp nhân quả quá khứ hiện tại.

Ái, thù, hữu... Ba nhân thời hiện tại.

Sinh, già, chết... hai quả thời vị lai.

Là lớp nhân quả thứ hai: non hiện tại quả vị lai.

Cho nên gọi thuyết 12 non duyên gồm hai lớp non quả, thuộc ba đời. Trong biểu,

- 1) Vô minh tức là phiền não thuộc đời trước;
- 2) Hành là các nghiệp thiện ác tạo ra trong thời quá khứ.
- 3) Thức: Là dạng đầu tiên nhất (sát na đầu tiên) của thân năm uẩn trong thai mẹ.
- 4) Danh sắc: là tổ hợp thân tâm bắt đầu hình thành trong thai mẹ, trong bốn tuần đầu tiên.
- 5) Sáu xứ (cũng gọi là lục nhập) là sáu căn năng. Đến tuần thứ năm thì bào thai đã có sáu căn đầy đủ.
- 6) Xúc: thai nhi lọt lòng mẹ, bắt đầu tiếp xúc với ngoại cảnh.
- 7) Thọ: là cảm xúc, vui, không vui...
- 8) Ái: thích thú đồ vật hoặc người thuộc giới tính khác.
- 9) Thù: là vơ lấy nắm lấy làm của mình.
- 10) Hữu: cũng giống nghĩa chữ Hành, tức là tạo ra các nghiệp thiện hay ác, dẫn tới quả vị lai.
- 11) và 12) Sinh và Già chết: do tạo nghiệp ở đời trước mà sinh ra ở đời này, với cái thân sẽ già, bệnh, chết với mọi khổ não kèm theo.

Quan niệm của phái Du Già tức học phái Duy Thức:

Phái Du Già xem 10 chi từ vô minh cho đến hữu là thuộc đời hiện tại. Hai chi sau, sinh và già chết là thuộc đời vị lai. Đó là thuyết một lớp nhân quả trải qua hai đời.

Quan niệm của Hữu bộ:

Phái Hữu bộ (Sarvastivada) quan sát lý 12 non duyên theo 4 loại duyên khởi:

1/ **Sát na duyên khởi:** tức trong một sát na (đơn vị thời gian ngắn nhất có thể tưởng tượng được) cả 12 chi non duyên cùng tồn tại một cách logic.

2/ **Liên phục duyên khởi:** khi quan sát 12 non duyên được thể hiện cụ thể trong thân tâm con người, hàng giờ phút biến đổi, và cả hoạt động bình thường của con người hằng ngày cũng dựa vào 12 non duyên đó.

3/ **Phân vị duyên khởi:** tức là 12 non duyên chia thành hai lớp non quả trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

4/ **Viễn tục duyên khởi:** viễn tức là tiếp tục mãi, cho tới khi con người chứng được Niết bàn. Chuỗi 12 non duyên này nối tiếp mãi không ngừng đời này sang

đời khác cho tới khi đương sự chứng Niết bàn, không còn luân hồi sanh tử nữa.

Giải thích các chi trong 12 nhơn duyên, theo kinh Nikàya Pàli và A Hàm:

1/ Vô minh: S. Avidya; P. Avijja, tức là không biết, không hiểu đối với nhân sinh quan và thế giới quan đúng đắn, đối với thuyết luân lý. Trái với vô minh là mục chánh kiến trong Bát chánh đạo.

2/ Hành: S. Samskara; P. Pankhara, tức ba hành nghiệp ý, lời nói, thân. Do vô minh mà có hành động tạo nghiệp thiện, ác nơi ý nghĩ, lời nói và thân. Những nghiệp thiện ác này đều lưu lại dấu vết trong con người dưới dạng hạt giống, hình thành nhân cách, tập quán của con người đó.

3/ Thức: S. Vijjana, P. Vinnana, thức là tâm thức phân biệt. Kinh A Hàm khi nói về "duyên thức mà coù danh sắc", phân biệt có: 1. Thức nhập thai; 2. Thức trong bào thai; 3. Thức sau khi lọt thai. Thức nhập thai kinh Pàli gọi là: Kiết sanh thức.

4/ Danh sắc: S. và P. Namarupa, danh là các hành tướng của tâm như thọ, tưởng, hành... sắc chỉ sắc thân. Cũng có sách giải thích sắc là năm ngoại trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nhưng có thể giải thích sắc là sắc thân thì đúng lý hơn.

5/ Sáu xứ: S. Sad-ayatana; P. Salayatana, cũng gọi theo chữ Hán là lục nhập hay lục nhập xứ: Tức là sáu căn năng, qua đó, thân tâm tiếp xúc với ngoại cảnh.

6/ Xúc: S. Aparsa; P. Phassa, tức là sự tiếp xúc của ba yếu tố căn, cảnh, và thức.

7/ Thọ: S. và P. Vedana, tức là cảm thọ vui, buồn hay không vui, không buồn.

8/ Ái: S. Trsna, P. Tanha, tức là sự thèm khát, cũng như khát thèm nước vậy. Như thấy cảnh vui, thì thèm muốn, gặp cảnh nghịch thì xa tránh.

9/ Thủ: S. và P. Upadana, sau khi trong tâm khởi lên lòng thèm khát, thì ở nơi ý, lời nói và thân, cũng khởi lên hành vi cụ thể bám lấy, vơ lấy, và đó chính là tạo nghiệp.

Có thể phân biệt có:

- Dục thủ: là thèm muốn, bám vào năm đối tượng của dục vọng như sắc đẹp, của cải, danh vọng, ăn, ngủ.
- Kiến thủ: tức là bám lấy kiến giải mà mình vốn thích thú, dù là kiến giải sai.
- Giới cấm thủ: Tức là bám vào những giới điều vô lý, sai trái, như một số ngoại đạo cho rằng tắm nước sông Hằng thì được xóa sạch mọi tội lỗi, sống ép xác khổ hạnh cũng xóa bỏ được mọi tội lỗi quá khứ.

10/ Hữu: S. và P. Bhava, tức là sự tồn tại. Vì tạo nghiệp trong quá khứ cho nên con người mới tồn tại, mới có thân năm uẩn, trong các cõi sống khác nhau. Nếu ở cõi Dục giới thì gọi là Dục hữu. Nếu là ở cõi Sắc giới thì gọi là Sắc Hữu, và nếu ở cõi Vô sắc thì gọi là Vô Sắc hữu.

11/ Sinh: S. và P. Jati, tức là loài hữu tình, do nghiệp tạo ra trong quá khứ mà sanh trong các cõi sống khác nhau, thành các loại chúng sinh khác nhau.

12/ Già chết: S. và P. Jara-marana. Trong kinh nguyên thủy, sau già, chết còn thêm Sầu P. soka, Bi P. parideva, Khổ P. dukkha, Nỗi P. upayasa, Ưu P. domanassa.

B.3 CÁC ĐOẠN TRÍCH DẪN KINH ĐIỂN VỀ BỐN ĐỀ (liên hệ tới chân lý về sự khổ)

Khi Phật sắp nhập Niết bàn, Phật đã nhắc lại thuyết bốn đề:

"Này các Tỷ Kheo, đối với thuyết bốn đề, có điều gì nghi hoặc thì mau mau hỏi đi, đừng để còn nghi hoặc mà không gan hỏi... Lúc bấy giờ Thế Tôn hỏi lại ba lần mà không ai nói cả. Vì sao như vậy? Là vì trong Tăng chúng không còn ai nghi hoặc về thuyết bốn đề nữa. Khi ấy, Tôn giả A nâu Lâu Đà (Anurudha), quan sát tâm tư trong chúng, thấy như vậy bèn bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, mặt trăng có thể nóng lên, mặt trời có thể lạnh đi, còn Thế Tôn giảng bốn Chân lý thì không bao giờ đổi khác được, Thế Tôn nói chơn lý về sự khổ thì thực là khổ, khổ không thể biến thành vui được. Tập đề là nhân của khổ, không thể có nhân khác. Nếu khổ diệt tức là nhân diệt. Nhân diệt cho nên quả diệt. Đạo diệt khổ là đạo chân chính. Không còn có đạo khác. Bạch Thế Tôn, trong Tăng chúng, tâm tư đối với bốn đề đã quyết định, không còn nghi hoặc điều gì nữa." (*Kinh Di giáo bản dịch của Cư Ma La Thập*)

Trích kinh Hòa Dự: (Phật nói mọi sự vật trong thế gian đều như bốc lửa).

"Thời bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi ở lại Uruvela một thời gian đủ thỏa thích bèn lên đường đi Gaya (Già da). Đi theo Phật, có một nghìn Tỷ Kheo, trước đây vốn là du sĩ ngoại đạo bên tộc, theo Kỳ Na giáo. Sau khi đến Tinh Xá Tượng Đầu (Gaya head), Phật nói với đại chúng Tỷ Kheo rằng: Này các Tỷ Kheo! Tất cả trong thế gian đều đang bốc cháy! Này các Tỷ Kheo, con mắt đang bốc cháy, nhãn thức đang bốc cháy, sắc cảnh mà nhãn thức nắm bắt đang bốc cháy, tất cả mọi cảm thọ do thấy sắc khởi lên, dù vui hay buồn, hay không vui không buồn, đều đang bốc cháy. Chúng bốc cháy như thế nào? Chúng bốc cháy do lửa tham, lửa sân, lửa si và cùng với sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, đồng thời bốc cháy...

(Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, Phật cũng phân tích như vậy và Phật tiếp lời)...

Và vì đệ tử có chánh kiến như vậy, bèn sanh tâm nhàm chán đối với mắt, sắc pháp, nhãn thức, mọi cảm thọ sanh ra từ nhãn thức, sanh tâm nhàm chán đối với tai, âm thanh, nhĩ thức, với mũi, mùi vị, tị thức... nhờ nhàm chán mà vì đệ tử đoạn trừ được tham dục, đạt được tự do và giải thoát..."

Trích kinh Lăng Nghiêm: Một đoạn trong kinh Lăng Nghiêm, dẫn lời của vua Ba Tư Nặc (Pasenadi):

"Bạch Thế Tôn, con xưa còn nhỏ, da dẻ mượt mà, lúc lớn lên huyết khí sung mãn, mà nay đã già trở thành suy yếu, thân hình khô héo tiêu tụy, tinh thần ảm đạm, tóc bạc da nhăn, chắc là... không còn thọ được bao lâu nữa. Làm sao có thể so sánh được với thời trai tráng? Sự thay đổi là dần dần, thực ra con không thể nào cảm giác được, mùa qua tháng lại, dần tới tình trạng ngày nay. Có vì sao? Năm con hai mươi tuổi, tuy gọi là còn nhỏ, nhưng dung nhan đã có già đi so với hồi 10 tuổi, đến năm 30 tuổi lại già đi so với tuổi 20. Năm nay, con sáu mươi tuổi, nếu ngó lại cách đây 10 năm thì lúc đó con còn cường tráng. Bạch Thế Tôn, con thấy sự thay đổi không chỉ hạn chế trong 10 năm. Nếu suy nghĩ kỹ, thì sự thay đổi không phải hạn chế trong một kỷ hay hai kỷ, mà sự thay đổi đó diễn ra hàng năm, mà không phải từng năm mà từng tháng đã có thay đổi. Mà không phải từng

tháng có thay đổi, mà là từng ngày. Thậm chí nếu xét kỹ, thì sự thay đổi đó chưa từng nghỉ dừng, dù là trong từng sát na, trong tương niệm. Vì vậy con biết thân của con, cuối cùng sẽ phải biến diệt!..."

Trích Kinh Niết Bàn: Kinh Niết Bàn có đoạn nói lên đặc điểm của nhân sanh, vui và buồn, lạc và khổ đi kèm với nhau như bóng với hình:

"Có hai chị em, người chị cực kỳ xinh đẹp, dễ thương, đi đến đâu cũng đem lại sự phát đạt, phồn vinh giàu có, và được mọi người hoan nghinh, tiếp đón, giữ lại không cho đi nơi khác. Nhưng người em, thì trái lại cực kỳ xấu xí, đi đến đâu cũng gieo rắc tai họa, sự phá sản và tử vong, cho nên mọi người đều ghét bỏ, cự tuyệt không cho đến. Nhưng người chị nói: "Tôi và em tôi, đi đâu cũng đi với nhau, không bao giờ rời xa nhau".....

Ở đâu tôi cũng làm điều lành, em tôi thì làm điều ác, tôi đem lại niềm vui, em tôi thì gây đau khổ. Mọi người nếu yêu tôi, thì cũng phải đừng ghét em tôi....

Nhân sinh là như vậy. Có vui có buồn, có sướng có khổ, có vinh có nhục. Cho nên, Phật dạy rằng, trong thế gian này, con người không thể hưởng được niềm vui thường tại, không thể có tự ngã biệt lập không thể có dung sắc đẹp mãi mãi không bị tàn phai. Vì chúng sinh si mê cho nên lấy buồn làm vui, lấy caui vô ngã làm ngã, lấy vô thường làm thường, lấy cái không thanh tịnh làm thanh tịnh, Phật gọi đó là thấy điên đảo."

Có lần, Phật dạy các đệ tử:

"Này các Tỷ Kheo! Các người hãy nghĩ xem, nước trong bốn biển là nhiều, hay là từ vô thì đến nay, lăn lộn mãi trong vòng sanh tử, nước mắt của các người đổ xuống trong ngày tháng đêm dài là nhiều? Này các Tỷ Kheo! Các người trong một thời gian dài, đã biết bao lần, các người chịu đựng nỗi thống khổ mất cha, mất mẹ, đã bao lần các người chịu nỗi thống khổ mất con, mất anh em, mất chị em. Đã biết bao lần, chịu nỗi thống khổ mất tài sản, nỗi thống khổ bệnh tật triền miên. Biết bao lần, các người phải chịu nỗi thống khổ xa người mình yêu, gần người mình ghét. Đùng như vậy một điểm cũng không sai, đã bao nhiêu lần, các người đã chịu những nỗi thống khổ như vậy mà phải khóc và chảy nước mắt. Lượng nước mắt đổ ra thực là nhiều hơn nước của bốn biển cộng lại. Này các Tỷ Kheo trong một thời gian dài, các người đã chịu đựng những nỗi thống khổ, sâu bi, khổ não, như vậy, chịu đựng bao nhiêu bất hạnh, bao nhiêu đã kích, bao nhiêu dầy vò... thật xác, xương cốt các người lấp đầy mồ mả. Các người chịu khổ như vậy đã đủ lắm rồi. Đã đến lúc, các người nhàm chán thế gian này, đã đến lúc các người phải nỗ lực thoát khỏi nỗi khổ của sanh tử....

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#)

Chân thành cảm ơn anh Hồ Trung Mỹ đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 02-2002)

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

updated: 25-02-2002